

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/DS-PT;
Ngày: 28/02/2024;
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng;

Ông Phạm Văn Tỉnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4620/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (tên viết tắt: V1)

Trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh H - Giám đốc XLN Hồn hợp M – Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ 1 – Khối Ngân hàng bán lẻ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2023 của Tổng Giám đốc);

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Tổng N - Cán bộ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2024); có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Phú C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số B ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Bà Trần Thị Như P, sinh năm 1965;

2. Bà Lê Trần Như X, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Số A ấp D, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; cùng có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Minh K –
Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; Bị đơn - ông Lê Phú C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Lê Phú C vay theo hợp đồng tín dụng số 0801/HDTD-VIB605.18 ngày 08/10/2018 với số tiền 320.000.000 đồng. Mục đích vay là mua xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH IZ65-TMB. Thời hạn 72 tháng, từ ngày 09/10/2018 đến ngày 08/10/2024. Lãi suất tại thời điểm vay áp dụng trong 12 tháng đầu là 9,99%/năm, sau đó lãi suất điều chỉnh lại 03 tháng một lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; Ngày 10 tây hàng tháng ông C trả tiền gốc là 4.450.000 đồng, tháng cuối cùng trả 4.050.000 đồng, tiền lãi trả vào ngày 10 tây hàng tháng và kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/11/2018. Các bên thỏa thuận cách thanh toán hàng tháng là ông C nộp tiền vào tài khoản cá nhân ông C mở tại Ngân hàng và Ngân hàng thu tiền gốc và lãi. Khi ký hợp đồng tín dụng, ông C đồng thời ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng, tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH số loại IZ65-TMB, biển kiểm soát 71C07482 do ông Lê Phú C đứng tên sở hữu. Ngân hàng đã giữ bản chính giấy chứng nhận sở hữu xe của ông C. Ngân hàng đã giải ngân cho ông C theo Khế ước nhận nợ số 0801/KUNN-VIB605.18 ngày 08/10/2018 với số tiền 320.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 18/7/2023 ông C đã thanh toán tổng cộng cho Ngân hàng được 177.886.275 đồng, trong đó tiền gốc là 120.250.000đồng và tiền lãi là 57.636.275 đồng.

Ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, từ ngày 10/7/2020 chuyển sang nợ xấu, tính đến ngày 18/7/2023, ông C còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền 317.853.016 đồng, trong đó tiền gốc là 199.750.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 2.441.755 đồng, tiền lãi quá hạn là 115.661.261 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền nợ vay trên, đồng thời yêu cầu ông C trả tiền lãi từ ngày

19/7/2023 cho đến khi trả tất nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng không đề nghị xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH số loại IZ65-TMB, biển kiểm soát 71C07482 do ông Lê Phú C đứng tên sở hữu.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Trần Thị Như P và bà Lê Trần Như X trình bày:

Bà P là mẹ ruột ông C, ông C có ký hợp đồng với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 0801/HDTD-VIB605.18 ngày 08/10/2018 với số tiền vay 320.000.000 đồng. Mục đích vay là mua xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH IZ65-TMB. Thời hạn vay 72 tháng, từ ngày 09/10/2018 đến ngày 08/10/2024. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã trả cho Ngân hàng T là 302.718.000 đồng, ông C đã trả có bao gồm tiền vốn và tiền lãi mà ông C không rõ tiền vốn là bao nhiêu và tiền lãi là bao nhiêu. Mỗi lần trả tiền cho Ngân hàng, ông C đều chuyển khoản vào tài khoản ông C mở tại Ngân hàng và bà có nộp phiếu thu của nơi mà bà đã đến chuyển khoản. Bà đã cung cấp đầy đủ phiếu thu là chứng cứ mà bà đã chuyển tiền trả nợ cho Ngân hàng, đồng thời bà có gửi 01 bộ tài liệu chứng cứ cho phía Ngân hàng.

Trong quá trình vay ông C không trả tiền đúng hạn là vì thời điểm đầu Ngân hàng có cấp cho ông C biên nhận thế chấp xe ô tô tải để ông C được lưu thông xe nhưng chỉ cấp cho 03 tháng, sau đó cấp cho 15 ngày, 03 ngày nên ông C không thể chạy xe được từ năm 2019 cho đến nay. Do Ngân hàng không cấp giấy thế chấp cho xe ông C, nên ông C không thể cho xe hoạt động để có tiền trả nợ cho Ngân hàng, xe hiện nay bị nước mặn làm hư xe. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 khoảng 02 năm, nhân viên Ngân hàng có nói đã giảm lãi suất cho ông C toàn bộ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án thì Ngân hàng không đồng ý giảm tiền lãi cho ông C, mặc dù đã có đơn đề nghị Ngân hàng giảm tiền lãi. Đối với yêu cầu của Ngân hàng, bà yêu cầu Ngân hàng kiểm tra lại số tiền ông C đã trả cho Ngân hàng T là 302.718.000 đồng. Ông C đề nghị Ngân hàng giảm tiền lãi cho ông C bị bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh khó khăn.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, quyết định:

- Căn cứ Điều 299, 317, 320, 323 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ các Điều 26, 35 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1). Cụ thể tuyên:

Buộc ông Lê Phú C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) tính đến ngày 18/7/2023 là 159.868.811 (Một trăm năm mươi chín triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm mười một) đồng, trong đó nợ gốc là 74.126.211 (Bảy mươi bốn triệu một trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm mười một) đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn tổng cộng là 85.742.600 (tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi triệu sáu trăm) đồng, đồng thời ông Lê Phú C còn có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2023 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngày 31/8/2023, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 31/8/2023, bị đơn – ông Lê Phú C kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo nội dung chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông C chỉ phải trả số nợ gốc còn lại, và không phải trả tiền lãi do bị đơn đang bị bệnh. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có cho ông Lê Phú C vay số tiền 320.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0801/HDTD-VIB605.18 ngày 08/10/2018. Mục đích vay là mua xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH IZ65-TMB. Thời hạn vay 72 tháng, từ ngày 09/10/2018 đến ngày 08/10/2024. Lãi suất tại thời điểm vay áp dụng trong 12 tháng đầu là 9,99%/năm, sau đó lãi suất điều chỉnh lại 03 tháng một lần; hết thời hạn này, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,09%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; vào ngày 10 tây hàng tháng ông C phải trả tiền gốc là 4.450.000đồng, tháng cuối cùng trả 4.050.000 đồng và tiền lãi trả vào ngày 10 tây hàng tháng và kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/11/2018. Các bên thỏa thuận ông C thanh toán bằng cách nộp tiền vào tài khoản cá nhân ông C đã mở tại Ngân hàng. Ngày 08/10/2018, ông C có đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ với số tiền 320.000.000 đồng. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản vay, ông C ký hợp đồng thế chấp số 0801/HĐTC-VIB605.18 ngày 08/10/2018, tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH số loại IZ65-TMB, biển kiểm soát 71C07482, do ông Lê Phú C đứng tên sở hữu.

Do các bên đã tự nguyện ký kết các hợp đồng nên có cơ sở xác định hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa ông C với Ngân hàng là đúng với quy định pháp luật, phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C trả tiền gốc và lãi vay là có cơ sở. Tuy nhiên, giữa Ngân hàng và ông C không thống nhất với nhau về số tiền ông C đã thanh toán cho Ngân hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp chứng minh tính đến ngày 18/7/2023 ông C đã thanh toán tổng cộng là 177.886.275 đồng, trong đó tiền gốc là 120.250.000 đồng và tiền lãi là 57.636.275 đồng.

[3.2] Bị đơn cung cấp chứng từ nộp tiền vào tài khoản là các phiếu thu đã nộp vào số tài khoản nhận là 605704060096378 của chủ tài khoản là ông Lê Phú C tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q để trả nợ cho ông C; trong khoảng thời gian từ ngày từ năm 2018 đến năm 2023 ông C đã trả cho Ngân hàng T số tiền 302.718.000 đồng.

[3.3] Căn cứ điểm h khoản 1.4 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng tín dụng số 0801/HDTD-VIB605.18 ngày 08/10/2018 thì các bên đã thỏa thuận ông C ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trích tiền từ bất kỳ tài khoản nào của ông C mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q để thanh toán. Thực tế, quá trình thanh toán ông C đã nộp tiền duy nhất vào 01 tài khoản 605704060096378 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, ông C là chủ tài khoản. Phía Ngân hàng cho rằng không biết tài khoản ông C thanh toán cho Ngân hàng là tài khoản nào là không có căn cứ vì theo các bản Chi tiết tài khoản khách hàng Lê Phú C, số tài khoản 605704060096378 từ ngày 01/8/2018 đến ngày 09/3/2023 do Ngân hàng cung cấp thì ông C đã có nộp tiền thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và Ngân hàng có thực hiện việc ủy nhiệm chi thu tiền gốc và tiền lãi của ông C theo đúng hợp đồng đã ký kết. Đến ngày 15/7/2021, ông C không thực hiện trả tiền vào tài khoản nhưng đến ngày 10/5/2022 ông C tiếp tục nộp tiền trả vào tài khoản 605704060096378 và tính đến ngày 11/8/2023 số dư tài khoản của ông C có tổng cộng là 125.623.789 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng không tiếp tục thu nợ tự động theo hợp đồng các bên đã ký kết, mà lại tính lãi suất tiền gửi trên số tiền ông C nộp trả cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng. Như vậy, việc Ngân hàng không thu nợ mà lại tính lãi suất trên số tiền ông C nộp là không đúng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết và gây thiệt hại đến quyền lợi của phía ông C dẫn đến việc Ngân hàng tính lãi trong hạn và lãi quá hạn cho ông C. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của ông C, kể từ khi ông C nộp tiền vào tài khoản 605704060096378 thì buộc Ngân hàng phải có trách nhiệm thu nợ tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3.4] Căn cứ theo các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp cho Tòa án, căn cứ vào số tiền ông C đã nộp vào tài khoản 605704060096378 của Ngân hàng, Ngân hàng xác định số tiền gốc theo Ngân hàng là 199.750.000 đồng, Hội đồng xét xử khấu trừ vào số tiền gốc ông C đã nộp vào tài khoản mà Ngân hàng không thu nợ tự động đến thời điểm 11/8/2023 là 125.623.789 đồng; Như vậy số tiền gốc ông C còn nợ Ngân hàng là 74.126.211 đồng. Đối với tiền lãi, việc Ngân hàng không trích thu nợ tự động là lỗi hoàn toàn thuộc về Ngân hàng, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận tính lãi vào từng thời điểm mà ông C đã nộp tiền vào tài khoản mà Ngân hàng không tự động thu nợ. Tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 18/7/2023 ông C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng cộng là 85.742.600 đồng. Bị đơn có yêu cầu Ngân hàng giảm tiền lãi do hoàn cảnh ông khó khăn nhưng Ngân hàng không đồng ý, do đó bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng tổng cộng là 159.868.811 đồng.

[3.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ngân hàng không có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH số loại IZ65-TMB, biển kiểm soát 71C07482, do ông Lê Phú C đứng tên sở hữu để thu hồi nợ nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với việc bị đơn kháng cáo yêu cầu không phải trả khoản tiền lãi với lý do bệnh tật, hoàn cảnh kinh tế khó khăn do không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên toà là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông C là người khuyết tật nặng thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) và ông Lê Phú C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2023/DS-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

- Căn cứ Điều 299, 317, 320, 323 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ các Điều 26, 35 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1). Cụ thể tuyên:

Buộc ông Lê Phú C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) tính đến ngày 18/7/2023 là 159.868.811 (Một trăm năm mươi chín triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm mười một) đồng, trong đó nợ gốc là 74.126.211 (Bảy mươi bốn triệu một trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm mười một) đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn tổng cộng là 85.742.600 (tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm) đồng, đồng thời ông Lê Phú C còn có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2023 với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Phú C được miễn.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) có trách nhiệm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.899.210 (Bảy triệu tám trăm chín mươi chín ngàn hai trăm mười) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo số biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010053 ngày 23/11/2022 là 5.940.000 (Năm triệu chín trăm bốn mươi ngàn) đồng; buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Q phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.959.210 (Một triệu chín trăm năm mươi chín ngàn hai trăm mười) đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Phú C được miễn.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002101 ngày 13/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thế Hồng**